

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 1 - Năm Học 25-26

Môn học
CBGD

Cầu lông
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 12

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234012	1	2125300043	Nguyễn Hoàng Bảo	An	01/01/2007	CCQ2530B	0.0	0.0	0,00	
234012	2	2125300032	Đặng Cao Phương	Bảo	24/07/2007	CCQ2530A	6.6	4.0	5,00	
234012	3	2125260242	Đỗ Thị Kim	Bình	17/11/2007	CCQ2526C	6.0	5.0	5,40	
234012	4	2125300190	Trần Gia	Bình	13/09/2007	CCQ2530B	8.3	6.0	6,90	
234012	5	2125300288	Trần Văn	Bình	11/04/2005	CCQ2530B	6.0	5.0	5,40	
234012	6	2125300221	Nguyễn Tất	Cẩm	01/08/2007	CCQ2530B	6.1	5.0	5,40	
234012	7	2125300042	Dương Đình	Đại	15/05/2007	CCQ2530B	6.0	7.0	6,60	
234012	8	2125300163	Nguyễn Lương Quốc	Đại	17/11/2007	CCQ2530B	7.5	5.0	6,00	
234012	9	2125300045	Huỳnh Thành	Đạt	06/11/2007	CCQ2530B	8.4	10.0	9,40	
234012	10	2125300053	Nguyễn Tiến	Đạt	16/06/2007	CCQ2530B	8.1	3.0	5,00	
234012	11	2125300002	Nguyễn Thùy Bích	Diễm	31/07/2007	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	12	2125300024	Phan Thị Ngọc	Diệu	30/04/2007	CCQ2530A	7.0	9.0	8,20	
234012	13	2125300242	Thái Anh	Đô	14/04/2007	CCQ2530B	0.0	0.0	0,00	
234012	14	2125300067	Bùi Tiến	Dũng	30/06/2007	CCQ2530B	9.4	6.0	7,40	
234012	15	2125300051	Hồ Thị Hương	Giang	18/03/2007	CCQ2530B	5.8	7.0	6,50	

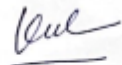
Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234012	16	2125300060	Thạch Thị Cẩm	Giang	11/05/2007	CCQ2530B	8.0	6.0	6,80	
234012	17	2125300066	Võ Thanh Hoàng	Hải	10/10/2006	CCQ2530B	7.0	7.0	7,00	
234012	18	2125300021	Châu Ngọc	Hân	26/01/2007	CCQ2530A	6.0	5.0	5,40	
234012	19	2125300068	Lê Thị Tuyết	Hạnh	19/05/2007	CCQ2530B	7.6	6.0	6,60	
234012	20	2125300098	Tống Cao	Hoàng	06/07/2007	CCQ2530A	8.9	3.0	5,40	
234012	21	2125300034	Trần Thị Kim	Hoàng	20/10/2007	CCQ2530A	7.6	6.0	6,60	
234012	22	2125300272	Nguyễn Chí	Khang	06/06/2006	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	23	2125300036	Nguyễn Phúc	Khang	15/10/2007	CCQ2530B	7.4	4.0	5,40	
234012	24	2125300013	Nguyễn Đào Duy	Khánh	29/10/2007	CCQ2530A	8.0	7.0	7,40	
234012	25	2125300030	Nguyễn Hoàng	Khôi	05/03/2007	CCQ2530A	8.4	3.0	5,20	
234012	26	2125300006	Lương Gia	Khuê	08/05/2007	CCQ2530A	8.3	5.0	6,30	
234012	27	2125300004	Hoàng Thuý	Kiều	28/06/2007	CCQ2530A	5.8	5.0	5,30	
234012	28	2125300003	Nguyễn Thanh Hồng	Liên	15/12/2002	CCQ2530A	8.0	3.0	5,00	
234012	29	2125300018	Huỳnh Thị Thùy	Linh	29/10/2007	CCQ2530A	8.1	5.0	6,20	
234012	30	2125300041	Lương Mỹ Trúc	Linh	13/12/2007	CCQ2530B	0.0	0.0	0,00	
234012	31	2125300014	Hồ Phú	Lộc	29/08/2005	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	32	2125300274	Trần Ngọc	Minh	26/04/2007	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	33	2125300064	Võ Trương Quốc	Minh	10/09/2007	CCQ2530B	7.6	7.0	7,20	
234012	34	2125300019	Lê Thị Trà	My	07/09/2006	CCQ2530A	7.8	4.0	5,50	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234012	35	2125300010	Trương Hoàng	Nam	24/10/2007	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	36	2125300216	Lê Thị Thảo	Nguyên	19/10/2004	CCQ2530B	6.5	4.0	5,00	
234012	37	2125300047	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	30/06/2007	CCQ2530B	7.3	7.0	7,10	
234012	38	2125300046	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	07/12/2007	CCQ2530B	8.0	4.0	5,60	
234012	39	2125300028	Nguyễn Yến	Nhi	31/07/2007	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	40	2125300040	Thạch Ngọc Ái	Nhi	16/02/2002	CCQ2530B	6.0	8.0	7,20	
234012	41	2125300245	Lê Võ Tuyết	Như	05/11/2007	CCQ2530B	6.0	0.0	2,40	
234012	42	2125300239	Lê Hồng	Phát	25/05/2007	CCQ2530A	7.3	7.0	7,10	
234012	43	2125300016	Nguyễn Thái Thuận	Phát	21/01/2007	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	44	2125300091	Nguyễn Thành	Phát	05/07/2007	CCQ2530B	0.0	0.0	0,00	
234012	45	2125300011	Đỗ Thanh	Phong	11/11/2007	CCQ2530A	7.5	5.0	6,00	
234012	46	2125300062	Nguyễn Thanh	Phong	14/08/1999	CCQ2530B	0.0	0.0	0,00	
234012	47	2125300059	Võ Minh	Phú	19/11/2007	CCQ2530B	6.3	7.0	6,70	
234012	48	2125300241	Trần Thiên	Phúc	23/06/2007	CCQ2530A	8.4	8.0	8,20	
234012	49	2125300005	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	10/09/2007	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	50	2125300009	Nguyễn Khải	Quyên	25/06/2007	CCQ2530A	7.9	6.0	6,80	
234012	51	2125300055	Biện Hồng	Sương	04/02/2007	CCQ2530B	6.5	4.0	5,00	
234012	52	2125300023	Lê Trọng Anh	Tài	01/07/2007	CCQ2530A	8.8	7.0	7,70	
234012	53	2125330188	Nguyễn Ngọc	Tài	21/11/2007	CCQ2533F	0.0	0.0	0,00	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234012	54	2125300017	Huỳnh Phạm Thu	Tâm	29/10/2007	CCQ2530A	8.9	9.0	9,00	
234012	55	2125300056	Lương Thị Minh	Tâm	03/12/2007	CCQ2530B	7.8	4.0	5,50	
234012	56	2125300008	Trịnh Minh	Tâm	27/07/2002	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	57	2125300044	Nguyễn Thị Lan	Thanh	01/07/2007	CCQ2530B	8.1	6.0	6,80	
234012	58	2125300035	Nguyễn Trung	Thành	21/01/2006	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	59	2125300244	Vũ Tiến	Thành	22/03/2007	CCQ2530B	0.0	0.0	0,00	
234012	60	2125300025	Đặng Nhật	Thảo	28/08/2007	CCQ2530A	5.9	5.0	5,40	
234012	61	2125300057	Dương Thị Thanh	Thảo	17/08/2004	CCQ2530B	7.6	9.0	8,40	
234012	62	2125300246	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/10/2007	CCQ2530B	6.1	5.0	5,40	
234012	63	2125300069	Lê Thị Cẩm	Thu	12/03/2007	CCQ2530B	6.1	6.0	6,00	
234012	64	2125300054	Nguyễn Kiều Phương	Thu	06/12/2007	CCQ2530B	6.5	4.0	5,00	
234012	65	2125300001	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/03/2006	CCQ2530A	6.3	5.0	5,50	
234012	66	2125300240	Trần Ngọc Anh	Thư	27/08/2007	CCQ2530A	7.5	7.0	7,20	
234012	67	2125300164	Thạch Thái Ngọc	Trân	05/05/2005	CCQ2530A	0.0	0.0	0,00	
234012	68	2125300048	Đặng Thị Huyền	Trang	10/06/2007	CCQ2530B	7.9	8.0	8,00	
234012	69	2125300007	Não Minh	Trí	09/08/2005	CCQ2530A	8.1	5.0	6,20	
234012	70	2125300038	Hà Thị Thanh	Viên	02/01/2007	CCQ2530B	8.0	6.0	6,80	
234012	71	2125300070	Phan Quốc	Vinh	28/06/2007	CCQ2530B	0.0	0.0	0,00	
234012	72	2125300012	Lương Ngọc	Vũ	31/12/2006	CCQ2530A	6.8	6.0	6,30	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234012	73	2125300031	Lê Thị Mai Vy	22/02/2007	CCQ2530A	6.5	4.0	5,00	
234012	74	2125300015	Trần Minh Tường Vy	22/06/2007	CCQ2530A	6.0	5.0	5,40	
234012	75	2125300049	Trần Hoàng Kỳ Vỹ	18/02/2007	CCQ2530B	7.8	6.0	6,70	
234012	76	2125300243	Nguyễn Ngọc Như Ý	31/12/2007	CCQ2530B	7.1	4.0	5,20	
234012	77	2125300033	Nguyễn Thị Bảo Yến	29/01/2007	CCQ2530A	7.8	7.0	7,30	

TPHCM, ngày 12 tháng 01 năm 2026


Lương Anh Kiệt